

BẢNG KÊ ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH THÔNG BÁO THU HỒI ĐỀ XÂY DỰNG
Dự án: Đường từ ĐT.621 đi Lê Ngung
Địa điểm xây dựng: Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Tờ trình số 425/TTr-KT ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Bình Sơn)

STT	Tên chủ hộ (người sử dụng đất)	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN					Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001				Bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/500					Ghi chú
			Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số vào sổ/ số phát hành	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích (m2)		Loại đất	
														Diện tích thửa (m2)	Quy hoạch (m2)		
	I/ Cá nhân									1.497,4				1.130,5	675,2		
1	Bà Huỳnh Thị Trăm và những người thừa kế hợp pháp của bà Huỳnh Thị Trăm, hiện bà Huỳnh Thị Trăm (đã chết)	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi						12	30	66,5	BHK	1	30	66,5	66,3	BHK	Thông báo số 141/TB- UBND ngày 10/5/2023
2	Hộ ông Huỳnh Phát và những người thừa kế hợp pháp của ông Huỳnh Phát, hiện ông Huỳnh Phát (đã chết)	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12	31	1.218,2	ĐRM	01074	12	31	484,4	BHK	1	31	484,4	239,6	BHK	Thông báo số 142/TB- UBND ngày 10/5/2023
3	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga, ông Nguyễn Ngọc Ngoan	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12	32	100,8	ODT	CS04176	12	32	100,8	ODT	1	32	100,8	35,1	ODT	Thông báo số 143/TB- UBND ngày 10/5/2023
4	Hộ ông Nguyễn Liên	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi						12	33	256,8	ODT	1	33	136,8	131,3	ODT	Thông báo số 144/TB- UBND ngày 10/5/2023

STT	Tên chủ hộ (người sử dụng đất)	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN					Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001				Bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/500					Ghi chú
			Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số vào sổ/ số phát hành	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích (m2)		Loại đất	
														Diện tích thửa (m2)	Quy hoạch (m2)		
5	Hộ bà Lý Thị Kiều My	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12	36	131,1	T	01897	12	36	59,8	ODT	1	36	60,8	60,8	ODT	Thông báo số 147/TB-UBND ngày 10/5/2023 và Thông báo số 496/TB-UBND ngày 12/3/2024
6	Hộ bà Nguyễn Thị Cận	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12	37	38,3	T	01087	12	37	38,3	ODT	1	37	38,3	11,7	ODT	Thông báo số 145/TB-UBND ngày 10/5/2023
7	Hộ ông Nguyễn Minh Hiền	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12	115	163,7	ODT	CS03105	12	115	163,7	ODT	1	115	163,7	78,9	ODT	Thông báo số 146/TB-UBND ngày 10/5/2023
8	Ông Nguyễn Minh Hiền, bà Lý Thị Kiều Mi	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12	118	70,3	ODT	CS01486 18/12/2015	12	118	70,3	ODT	1	118	70,3	42,6	ODT	Thông báo số 497/TB-UBND ngày 12/3/2024
9	Ông Trịnh Văn Tinh	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi						12	33	256,8	ODT	1	328	8,9	8,9	TMD	Thông báo số 148/TB-UBND ngày 10/5/2023 và Thông báo số 875/TB-UBND ngày 07/6/2024
	II/ Tổ chức									4.937,7				5.042,7	1.514,5		
1	Trường Mầm non 24/3	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12	34	3160	DGD	CT04457	12	34	3.160,0	DGD	1	34	3.160,0	45,1	DGD	Thông báo số 149/TB-UBND ngày 10/5/2023
								12	11	170,0	BHK	1	11	170,0	36,9	BHK	Thông báo số 150/TB-UBND ngày 10/5/2023
								12	12	315,4	BHK	1	12	276,9	208,4	BHK	
								12	15	162,0	BHK	1	15	162,0	161,5	BHK	

STT	Tên chủ hộ (người sử dụng đất)	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN					Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001				Bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/500					Ghi chú
			Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số vào sổ/ số phát hành	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích (m2)		Loại đất	
														Diện tích thửa (m2)	Quy hoạch (m2)		
2	UBND xã Bình Sơn	xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi						12	16	130,4	BHK	1	16	130,4	128,1	BHK	số 150/TB-UBND ngày 10/5/2023
								12	17	186,5	BHK	1	17	186,5	166,2	BHK	
								12	285	85,0	BHK	1	285	85,0	77,2	BHK	
								12	299	239,7	DGT	1	299	383,2	309,5	DGT	
								12	324	97,3	BHK	1	324	97,3	7,4	BHK	Thông báo số 763/TB-UBND ngày 15/12/2023
								12	325	13,9	BCS	1	325	13,9	12,6	BCS	
								12	326	212,6	BHK	1	326	212,6	196,7	BHK	
								12	327	164,9	DGT	1	327	164,9	164,9	DGT	
Tổng cộng								6.435,1				6.173,2	2.189,7				

STT	Tên chủ hộ (người sử dụng đất)	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN					Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001				Bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/500					Ghi chú
			Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số vào sổ/ sổ phát hành	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích (m2)		Loại đất	
														Diện tích thửa (m2)	Quy hoạch (m2)		

360,4

4
5
6
7
8
9
10
11

#REF!